

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S -TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Anh

- *Các hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: Hà Đồng Tịnh - cán bộ cơ quan quận đoàn S.

+ Bà: Phan Thị Mười - hội liên hiệp phụ nữ quận S.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng:*** Ông Thái Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 79/2017/HSST ngày 21 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

1. Trần Công T; Sinh năm: 1988; Tại: Tỉnh Q;

- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần C và bà Nguyễn Thị H. Gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ nhất. Vợ tên là Đinh Thị P; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Năm 2015, bị TAND thành phố Huế xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và bị TAND thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Bị cáo hiện đang bị giam theo quyết định Thi hành án.

* Người bị hại:

1. Bà Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1974; trú tại: 299/9 đường H, phường T, quận T, TP. Đà Nẵng, vắng mặt

2. Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1988, trú tại: thôn X, xã N, huyện T, tỉnh QN, vắng mặt.
 3. Ông Nguyễn Tr, sinh năm 1957, trú tại: tổ 04 HP, quận C, TP. Đà Nẵng, vắng mặt.
 4. Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1990; trú tại: thôn 5 xã P, huyện Q, tỉnh Q, vắng mặt.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Xuân Ch, sinh năm 1963, trú tại: tổ 54 phường T, quận T, TP. Đà Nẵng, vắng mặt.
2. Ông Trần Công C, sinh năm 1990, trú tại: Thôn P, xã Đ, Thị xã Đ, tỉnh Q, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có sự thống nhất và ngầm hiểu với nhau về cách thức, nhiệm vụ được phân công của từng người trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên trong khoảng thời gian từ tháng 7 năm 2015 đến tháng 8 năm 2015 trên địa bàn quận S, Nguyễn Văn N cùng Trần Công T và một đối tượng tên A (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản. Cụ thể:

* Vụ 1: Khoảng 19 giờ ngày 24/7/2015, đối tượng tên A (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) rủ Nguyễn Văn N đi trộm cắp tài sản. N đồng ý. Sau đó, N sử dụng xe mô tô Exciter, màu xanh không rõ biển kiểm soát (xe này của N mua ở Kon Tum sử dụng làm phương tiện đi lại, đến đầu tháng 8/2015 đã bán lại cho một người không rõ lai lịch) chở A đến khu vực công viên biển Đông, quận S. Đến nơi, A đi tìm xe mô tô nào để sơ hở lấy trộm, còn N chạy xe đến khu vực tượng Đức Mẹ dọc bãi biển ngồi chờ A liên lạc. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, A điện thoại hẹn N tại khu vực ngã ba Huế. Khi N đến nơi thấy A trộm được 01 xe mô tô Air Blade biển kiểm soát 43D1-284.72 của chị Trần Thị Tuyết N (Sinh năm 1974, trú 299/9 HP, phường T, quận T – xe này chị N mượn của ông Nguyễn Xuân Ch – Sinh năm 1963, trú tổ 54, phường T, quận T) để dưới lòng đường Võ Nguyên Giáp không có người trông coi. Sau đó, Nguyễn Văn N và A đưa xe mô tô lấy trộm được

về phòng trọ mà N nhờ Trần Công T thuê của bà Anh (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) tại: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q) nhờ T cất giấu. Mặc dù biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nhưng Trần Công T vẫn đồng ý cất giấu. Đến ngày 06/8/2015, Nguyễn Văn N và Trần Công T gỡ bỏ biển kiểm soát và đem chiếc xe này bán cho Trần Thị Thuỳ Tr tại cầu A, thành phố Huế. Thông qua trao đổi mua bán trên mạng và giao dịch trực tiếp, Trần Thị Thuỳ Tr biết đây là xe do trộm cắp mà có nhưng Tr vẫn đồng ý mua với giá 12.000.000 đồng. Sau khi bán được xe, N và T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp xe máy tại thị xã H, tỉnh Thừa Thiên – Huế thì bị đuổi bắt và làm rơi mất số tiền 5.000.000 đồng.

*Tang vật tạm giữ: 01 xe mô tô Air Blade biển kiểm soát 43D1-284.72 (Đã trao trả cho người bị hại).

- Số tiền 7.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (Số còn lại sau khi bán xe 01 xe mô tô Air Blade biển kiểm soát 43D1-284.72 được 12.000.000 đồng)

Tại kết luận định giá trong tố tụng hình sự số 44 ngày 03/8/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận S xác định xe mô tô Air Blade biển kiểm soát 43D1-284.72 có giá trị còn lại là 26.600.000 đồng.

* Về trách nhiệm dân sự:

Chị Trần Thị Tuyết N và anh Nguyễn Xuân Ch đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

* Vụ 2: Khoảng 13 giờ ngày 03/8/2015, Nguyễn Văn N rủ Trần Công T đi trộm cắp tài sản. T đồng ý và điều khiển xe mô tô Air Blade (xe này do N và A lấy trộm của chị Trần Thị Tuyết N) chở Nguyễn Văn N đi từ tỉnh Q ra Đà Nẵng. Khi đến khu vực bùng binh cầu Rồng trên đường Ngô Quyền, Trần Công T rẽ phải xuống đường biển thì phát hiện 01 xe mô tô SH 125i màu đen, biển kiểm soát 76E1-224.88 của anh Nguyễn Thành Ng (Sinh năm 1988, trú thị xã N, huyện T, tỉnh QN) để ở vỉa hè trước khách sạn Royal Family không có người trông giữ. T đứng ngoài cảnh giới, N đi vào dùng đoạn do N đã chuẩn bị sẵn phá khoá và lấy xe điều khiển bỏ đi. Sau khi lấy được xe, N và T đưa về phòng trọ do T thuê ở thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q thay biển kiểm soát giả và cất giấu tìm người tiêu thụ nhưng chưa kịp tiêu thụ thì bị bắt trong vụ trộm cắp tài sản tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

* Tang vật tạm giữ: 01 xe mô tô SH 125i màu đen, số khung 068030, số máy 0067948, không có biển kiểm soát (Đã trao trả cho người bị hại).

Tại kết luận định giá trong tố tụng hình sự số 58 ngày 06/10/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận S xác định xe mô tô SH 125i màu đen, biển kiểm soát 76E1- 224.88 có giá trị còn lại là 46.200.000 đồng.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Thành Ng đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm

Ngoài ra, qua điều tra, Nguyễn Văn N và Trần Công T còn khai nhận cùng A thực hiện 02 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn quận N và C, TP Đà Nẵng. Cụ thể như sau:

* Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 13/7/2015, đối tượng tên A (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) rủ Trần Công T đi trộm cắp tài sản. T đồng ý và sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX biển kiểm soát 92D1-005.18 (xe này hiện T đã bán lại cho một người không rõ nhân thân lai lịch) chở A dạo quanh các tuyến đường trên địa bàn quận C. Khi đến trước UBND quận C (số 40 Ô, phường H, quận C) A đi vào tìm xe để trộm cắp, còn T chạy xe lòng vòng đợi A. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, A điện thoại hẹn T ở khu vực cầu vượt H, quận C. Khi đến nơi, T thấy A trộm được 01 xe mô tô nhãn hiệu Air Blade màu đỏ đen, biển kiểm soát 43M1-5394 của ông Nguyễn Tr (Sinh năm 1957; trú tổ 4 HP, quận C, TP Đà Nẵng). Sau khi lấy trộm được xe, T thỏa thuận với A để lại xe mô tô trên cho T sử dụng với giá 3.000.000 đồng, A đồng ý. Sau đó, T nhờ N làm giúp giấy đăng ký xe giả và một biển kiểm soát gắn vào xe mô tô trên để sử dụng. N đồng ý và nhờ một người đàn ông tại thành phố Hồ Chí Minh (không rõ nhân thân lai lịch, quen biết qua mạng xã hội) làm một biển kiểm soát và giấy tờ xe giả số 92D1-218.05 với giá 1.800.000 đồng. Sau khi gắn biển số giả, T giao chiếc xe mô tô trên cùng với giấy tờ xe cho em ruột là Trần Công Tr (Sinh năm 1990, trú thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q) sử dụng làm phương tiện đi lại. Tr không biết xe này là do T trộm cắp mà có được. Sau khi T bị bắt, Tr đã giao nộp chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đ.

Tang vật tạm giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Air Blade màu đỏ đen, số khung 279281, số máy 0321981, không có biển kiểm soát (Đã trao trả cho người bị hại)

- 01 biển kiểm soát số 92D1-218.05.

Tại kết luận định giá trong tố tụng hình sự số 41 ngày 05/10/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận C xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Air Blade màu đỏ đen biển kiểm soát 43M1-5394 có giá trị còn lại là 18.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Tr đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

* Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ 30 ngày 03/8/2015, Nguyễn Văn N rủ Trần Công T đi trộm cắp xe mô tô. T đồng ý. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, màu trắng xám, gắn biển kiểm soát giả (xe N trộm được ở quận S, nhờ T cất giữ) đến nhà nghỉ QM thuộc thị xã Đ, tỉnh Q đón N cùng ra Đà Nẵng trộm cắp xe mô tô. Khi đến trước xưởng đá mỹ nghệ HB, phường H, quận N, cả hai phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu xám đỏ biển kiểm soát 92G1-107.52 của anh Nguyễn Tấn L (Sinh năm 1990; trú thôn 5, xã P, huyện Q, tỉnh Q) để ở lề đường không người trông giữ. T đứng ngoài cảnh giới, N đi bộ vào dùng 01 đoạn đã chuẩn bị sẵn phá khoá điều khiển xe đi. Sau khi lấy được xe, N và T đưa về phòng trọ T thuê ở thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q cất giấu tìm người tiêu thụ nhưng chưa kịp tiêu thụ thì bị bắt trong vụ trộm cắp tài sản tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tang vật tạm giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu xám đỏ số máy 55P1309171, số khung 5P101DY309164, không có biển kiểm soát (Đã trao trả cho người bị hại).

Tại kết luận định giá trong tố tụng hình sự số: 43 ngày 16/11/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận N xác định xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu xám đỏ biển kiểm soát 92 G1-107.52 có giá trị còn lại là 29.050.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 19.2.2016 của Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Công T phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo qui định tại Điểm a,e khoản 2 Điều 138 BLHS, và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” ; tội “Chứa chấp tài sản do người phạm phạm tội mà có” theo qui định tại khoản 1 Điều 250 BLHS;

Tại bản án số 29/2016/ HS - ST ngày 06.5.2016 của Tòa án nhân dân quận S đã xét xử Trần Thị Thùy Tr về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” phần bản án này đã có hiệu lực đối với Tr nên không xem xét.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Trần Công T về “tội trộm cắp tài sản” và tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Đề nghị rút một phần cáo trạng đã truy tố Trần Công T về tội “ Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 138, điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Trần Công T từ 54 đến 60 tháng tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Trần Công T từ 9 đến 12 tháng tù giam về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng Điều 50, 51 Bộ luật hình sự, tổng hợp với mức hình phạt 05 năm tù tại bản án số 22/2016/HSPT ngày 29/02/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, buộc bị cáo phải chấp hành chung của cả 02 bản án.

- Về xử lý tang vật đã được giải quyết tại bản án số 29/ HSST ngày 6.5.2016 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật nên không đề cập đến.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Công T nói sau cùng, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, đã biết ăn năn hối cải về hành vi mình đã thực hiện, bị cáo hiện đang chấp hành án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo có cơ hội sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo, các bị hại và những người có

quyền lợi, N vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Công T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 13.07.2015 đến ngày 30.08.2015, tại địa bàn quận S và quận N, quận C, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Văn N cùng với Trần Công T và một đối tượng tên A đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 119.850.000 đồng. Trong đó: Nguyễn Văn N cùng Trần Công T 02 lần chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Thành Ng và anh Nguyễn Tấn L với tổng trị giá 75.250.000 đồng, cùng đối tượng tên A một lần chiếm đoạt của chị Trần Thị Tuyết N trị giá 26.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn N chiếm đoạt là: 101.850.000 đồng.

Trần Công T và Nguyễn Văn N 02 lần chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Thành Ng và anh Nguyễn Tấn L với tổng trị giá 75.250.000 đồng, cùng đối tượng tên A chiếm đoạt của ông Nguyễn Tr trị giá 18.000.000 đồng, giá trị tài sản mà Trần Công T chiếm đoạt là: 93.259.000 đồng.

Trần Công T biết rõ xe mô tô Air Blade biển kiểm soát 43D1-284.72 là tài sản do Nguyễn Văn N phạm tội mà có nhưng vẫn cùng N đến gặp Trần Thị Thùy Tr để bán với số tiền 12.000.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi nêu trên của bị cáo là cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Trần Công T về tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm a, e Khoản 2, Điều 138 Bộ luật hình sự và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Hành vi của bị cáo Trần Công T liều lĩnh, táo bạo, tham gia với vai trò rất tích cực, sau khi nghe N cùng đối tượng tên A bàn bạc và rủ đi trộm cắp, T đồng ý ngay, bị cáo vừa là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, vừa là người giúp sức đứng cảnh giới cho bị cáo khác lấy trộm tài sản. Trần Công T và Nguyễn Văn N chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Thành Ng và anh Nguyễn Tấn L với tổng trị giá 75.250.000 đồng, T cùng đối tượng tên A chiếm đoạt của ông Nguyễn Tr trị giá 18.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản mà Trần Công T chiếm đoạt là: 93.259.000đồng.

Trần Công T biết rõ xe mô tô Air Blade biển kiểm soát 43D1-284.72 là tài sản do Nguyễn Văn N phạm tội mà có nhưng vẫn cùng N đến gặp Trần Thị Thùy Tr Trong vụ án này, trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, các bị cáo Trần Công T, Nguyễn Văn N và đối tượng tên A (chưa xác định được nhân thân lai lịch) bị cáo và đồng bọn đã có sự liên kết chặt chẽ với nhau, đã có sự chuẩn bị đoản phá khóa, nhắm vào xe đất tiền, ngầm hiểu người chở đi, người trực tiếp vào lấy tài sản, địa điểm tập kết, trộm cắp liên tỉnh, thuê nhà trọ để chứa tài sản, sau đó lên mạng rao bán, tìm nơi tiêu thụ. Việc trộm cắp cũng như bán xe được thực hiện theo qui trình chặt chẽ. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội “ Có tổ chức”. Vì thế, bị cáo Trần Công T phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Trần Công T đã trực tiếp tham gia thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, tổng giá trị các tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 93.250.000 đồng, nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết định khung“ Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Trần Công T biết xe mô tô Air Blade biển kiểm soát 43D1-284.72 là tài sản do N trộm cắp mà có, T đã cất giấu chiếc xe này và cùng N mang đi tiêu thụ xe mô tô này cho Trần Thị Thùy Tr lấy tiền tiêu xài, hành vi phạm tội này của T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi Chứa chấp tài sản của Trần Công T thì thấy T biết rõ xe mô tô do N trộm cắp nhưng T vẫn có hành vi cất giấu xe mô tô Air Blade BKS 43D1-248.72 tại nhà trọ, Tuy nhiên sau đó T cùng N tìm cách tiêu thụ và bán cho Trần

Thị Thùy Tr vào ngày 6/8/2015 với số tiền 12.000.000đ. Như vậy thấy hành vi chứa chấp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Trần Công T diễn ra liên tục, mục đích của T là cất giấu xe mô tô nói trên là để cùng N mang đi tiêu thụ. Do vậy hành vi chứa chấp và mang đi tiêu thụ xe mô tô Air Blade BKS 43D1-248.72 của bị cáo Trần Công T chỉ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ đúng pháp luật và không đủ yếu tố cấu thành tội” Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại phiên tòa sau khi kết thúc phần xét hỏi Kiểm sát viên trình bày luận tội và đề nghị được rút một phần cáo trạng về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” đối với bị cáo Trần Công T. Đối với yêu cầu được rút một phần cáo trạng của Kiểm sát viên nêu trên thì thấy có căn cứ theo đúng qui định tại Điều 217, Điều 221 Bộ luật tố tụng hình sự và phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận và đình chỉ đối với tội này .

Về nhân thân của bị cáo T thì thấy, ngày 29.02.2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa thiên Huế xử phúc thẩm (do bị cáo kháng cáo bản án số 15.12.2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Huế) xử phạt 03 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 07.01.2016 bị Tòa án nhân dân Thị xã H, Tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, đã khai ra những lần phạm tội trước đó, bị cáo là bộ đội xuất ngũ, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên HĐXX áp dụng các tình tiết theo quy định tại điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Ngoài ra trong vụ án này có đối tượng Nguyễn Văn N đã bỏ trốn tại nơi giam giữ, hiện nay Nguyễn Văn N đã được Tòa án nhân dân quận S, TP Đà Nẵng xét xử tại bản án số 97/HSST ngày 24/11/2016 bản án này đã có hiệu lực pháp luật.

Đối với người đàn ông làm biển kiểm soát và giấy đăng ký xe giả cho T và N hiện chưa các định được lai lịch, và đối với đối tượng tên A, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan CSĐT- Công an quận S tách ra để tiếp tục xác minh và xử lý sau.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã được tuyên và xử lý vật chứng tại bản án số 29/2016 /HSST ngày 06.5.2016 của Tòa án nhân dân quận S đã có hiệu lực pháp luật nên không đề cập đến.

- Về án phí:Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Trần Công T phải chịu 200.000. Phần án phí đã được tuyên tại bản án số 29/2016 HSST ngày 06.5.2016 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật, bị cáo đã chấp hành xong tại biên lai thu số 12384 ngày 24/1/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Q.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Công T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Đình chỉ một phần vụ án đối với bị cáo Trần Công T về tội “ Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

+ Áp dụng Điểm a, e khoản 2 Điều 138; điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; Xử phạt: Trần Công T 04 năm 6 tháng (bốn năm sáu tháng) tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS xử phạt bị cáo Trần Công T 09 (chín) tháng tù về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng Điều 50 BLHS tổng hợp hình phạt 02 tội bị cáo T phải chịu là 05(năm) năm 03 (ba) tháng tù.

- Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự, tổng hợp với mức hình phạt 05 năm tù tại bản án số 22/2016/HSPT ngày 29/02/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, buộc bị cáo phải chấp hành chung của cả 02 bản án là 10(mười) năm 03(ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2015.

3/ Về án phí:Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Trần Công T phải chịu 200.000. Phần án phí đã được tuyên tại bản án số 29/2016 HSST ngày 06.5.2016 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật, bị cáo đã chấp hành

xong tại biên lai thu số 12384 ngày 24/1/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Q.

4/ Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Công an quận S, Tp. Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Anh